

Số: 3319/ĐHV-KHTC

Nghệ An, ngày 30 tháng 11 năm 2011

V/v báo cáo các nội dung thực hiện quy
chế công khai năm học 2011-2012

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện công văn số 7422/BGDĐT-KHTC ngày 04 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc báo cáo các nội dung thực hiện Quy chế công khai đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trong năm học 2011-2012 theo quy định tại Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Vinh xin báo cáo các nội dung theo yêu cầu như sau:

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a) Cam kết chất lượng giáo dục: Chất lượng đào tạo đối với các bậc đào tạo hệ chính quy; các điều kiện mà sinh viên được thụ hưởng khi vào học tại trường (chi tiết tại biểu 20 đính kèm).

b) Công khai chất lượng giáo dục thực tế: chi tiết tại biểu 21 đính kèm.

c) Kết quả kiểm định chất lượng:

Trường Đại học Vinh là một trong nhóm 20 trường Đại học đầu tiên được Hội đồng Quốc gia kiểm định chất lượng giáo dục công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

a) Cơ sở vật chất: Diện tích sàn xây dựng phục vụ trực tiếp cho quá trình đào tạo (chi tiết tại biểu 22 đính kèm).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên: Đội ngũ giảng viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn (chi tiết tại biểu 23 đính kèm).

3. Công khai tài chính

Công khai các điều kiện tổng hợp và tài chính: Chi tiết tại Biểu 24, 25

Trên đây là các nội dung công khai theo yêu cầu công văn số 7422/BGDĐT-KHTC ngày 07 tháng 11 năm 2011 của Bộ, Trường Đại học Vinh xin được báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Toàn thể BGH;
- Gửi qua eOffice toàn trường và đăng Website;
- Lưu HCTH, KHTC.



PGS.TS Đinh Xuân Khoa

BÁO CÁO CÔNG KHAI NĂM HỌC 2011-2012

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

1. Các thông tin chung

Tên trường:	Trường Đại học Vinh	Tên viết tắt: ĐHV
Tên tiếng Anh:	Vinh University	Viết tắt: VinhUni
Trụ sở chính:	Số 182 đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	
Liên hệ:	Điện thoại: (038) 3855452	Fax: (038) 3855269
Website:	www.vinhuni.edu.vn	Email: vinhuni@hn.vnn.vn
Năm bắt đầu đào tạo khóa 1: 1959		

2. Giới thiệu về Trường

Trường được thành lập năm 1959 với tên gọi là Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh (theo Nghị định số 375/NĐ ngày 16/7/1959 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục), sau đó đổi tên thành Trường Đại học Sư phạm Vinh vào năm 1962 (theo Quyết định số 637/QĐ ngày 28/8/1962 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục). Trường được Thủ tướng Chính phủ quyết định đổi tên thành Trường Đại học Vinh vào năm 2001 (theo Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ).

Trải qua 52 năm xây dựng và phát triển, Trường đã đạt được những thành tựu to lớn và quan trọng trên nhiều lĩnh vực, tạo nên vị thế xứng đáng của một trường đại học đa ngành ở khu vực Bắc Trung bộ.

Hiện tại, Trường có 19 khoa đào tạo đại học, 01 khoa đào tạo sau đại học, 01 viện nghiên cứu, 01 Trường Trung học phổ thông Chuyên, 01 Trường Mầm non thực hành và 33 phòng, ban, trung tâm, viện, trạm; 02 Văn phòng Đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Thanh Hóa. Trường đã và đang đào tạo 44 ngành đại học hệ chính qui (17 ngành đào tạo cử nhân sư phạm, 09 ngành đào tạo kỹ sư, 18 ngành đào tạo cử nhân khoa học và các ngành đào tạo trình độ đại học khác), 32 chuyên ngành đào tạo thạc sĩ, 13 chuyên ngành đào tạo tiến sĩ và 05 môn chuyên hệ trung học phổ thông (Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học và Tiếng Anh), có 958 cán bộ công chức; 36.000 học sinh, sinh viên, học viên đến từ 54 tỉnh thành và hơn 500 lưu học sinh của Lào, Thái Lan, Trung Quốc đang học tập và rèn luyện. Trường Đại học Vinh đã thực sự khẳng định được vị thế của mình, trở thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ có uy tín ở khu vực Bắc Trung bộ và cả nước.

Trường đã hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng cán bộ với trên 40 cơ sở giáo dục đại học và các cơ quan, tổ chức khoa học trong nước và quốc tế. Nhiều nhà giáo, cán bộ khoa học của Trường là thành viên, cộng tác viên của các hội đồng khoa học hoặc tổ chức khoa học quốc gia, khu vực và quốc tế (Đức,

Italia, Nhật Bản, Pháp, Ba Lan, Nga, Canada, Hoa Kỳ, Hội Thiên văn quốc tế,...). Nhiều cán bộ của Trường được mời làm chuyên gia giáo dục và giảng dạy tại các trường đại học ở Ăngôla, Môzambic, Madagaxca, Algieri, Lào, Campuchia, Thái Lan.

Trường Đại học Vinh có cơ sở chính (cơ sở 1) tại số 182 đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; diện tích trên 14 ha và 4 cơ sở khác:

Cơ sở 2: Hiện tại là nơi đào tạo của khoa Nông - Lâm - Ngư và Trung tâm Giáo dục Quốc phòng; địa chỉ: xã Nghi Ân, thành phố Vinh và xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An; diện tích 258 ha.

Cơ sở 3: Trung tâm Thực hành nuôi trồng Thủy sản mặn-lợ; địa chỉ: xã Xuân Trường, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh; diện tích trên 9,3 ha.

Cơ sở 4: Trung tâm Thực hành nuôi trồng Thủy sản nước ngọt; địa chỉ: khối 4, thị trấn Hưng Nguyên, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An; diện tích gần 5 ha.

Cơ sở 5: Khu kí túc xá sinh viên; địa chỉ: khối 22, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; diện tích gần 0,5 ha.

Trong hơn nửa thế kỷ qua, Trường Đại học Vinh đã đào tạo và cấp bằng tốt nghiệp cho trên 46.000 sinh viên hệ chính qui, 36.000 học viên hệ vừa làm vừa học, 5.000 học viên cao học, 105 nghiên cứu sinh và 6.000 học sinh trung học phổ thông. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm chiếm trên 90% số sinh viên tốt nghiệp. Sinh viên của Trường được trang bị toàn diện về chuyên môn nghiệp vụ nên khi ra trường sớm khẳng định được khả năng, được nhà tuyển dụng đánh giá cao. Nhiều cựu sinh viên của Trường đã trở thành các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành, cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục, đào tạo, các viện nghiên cứu, các trung tâm khoa học, công nghệ, kinh tế lớn trong nước và quốc tế.

Với những đóng góp cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo, Trường Đại học Vinh đã được tặng Huân chương Lao động hạng Nhì (1979), Huân chương Lao động hạng Nhất (1992), Huân chương Độc lập hạng Ba (1995), Huân chương Độc lập hạng Nhì (2001), danh hiệu Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới (2004), Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ (2007), Huân chương Độc lập hạng Nhất (2009), Huân chương Hữu nghị của Chủ tịch nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (2009) và nhiều phần thưởng cao quý khác. Đặc biệt, ngày 11/7/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ký Công văn số 1136/TTg-KGVX về việc đồng ý bổ sung Trường Đại học Vinh vào danh sách các trường đại học xây dựng thành trường đại học trọng điểm Quốc gia. Đây là sự ghi nhận và đánh giá cao của Chính phủ đối với sự phát triển vững mạnh, vai trò và vị trí của Trường Đại học Vinh trong hệ thống giáo dục đại học quốc gia. Trường Đại học Vinh là đơn vị sự nghiệp, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, đóng tại thành phố Vinh – Nghệ An, quê hương Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đảng bộ Trường được Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nghệ An công nhận là đảng bộ cơ sở trong sạch vững mạnh 13 năm liên tục (1998-2010). Công đoàn Trường được tặng Huân chương Lao động hạng Ba (2000), Huân chương Lao động hạng Nhì (2006). Đoàn Trường được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (2004) và Huân chương Lao động hạng Ba (2006). Hội Sinh viên Trường được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (2004).

Trường đã có 25 cán bộ được tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo Ưu tú; có 9 đơn vị và 26 cá nhân được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì, Huân chương Lao động hạng Ba.

Trường có 948 cán bộ, công chức. Trong tổng số 650 giảng viên, có 55 giáo sư, phó giáo sư, 02 giảng viên cao cấp, 127 tiến sĩ, 3385 thạc sĩ, 147 giảng viên chính. Trong tổng số chuyên viên, kỹ thuật viên, cán bộ hành chính, phục vụ có 14 chuyên viên chính và 64 thạc sĩ.

3. Chức năng, nhiệm vụ

Trường Đại học Vinh là đơn vị hành chính sự nghiệp, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, có tư cách pháp nhân, có tài khoản, con dấu và biểu tượng riêng, có chức năng, nhiệm vụ:

- Đào tạo kỹ sư, giảng viên, cử nhân có trình độ đại học và sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) đáp ứng nhu cầu nhân lực của đất nước và một số nước trong khu vực;
- Đào tạo học sinh THPT chuyên nhằm bồi dưỡng nhân tài cho đất nước.
- Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng Bắc Trung bộ và cả nước.

4. Sứ mạng và tầm nhìn

• Sứ mạng

Trường Đại học Vinh là cơ sở đào tạo đại học đa ngành cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao và thích ứng nhanh với thế giới việc làm; là trung tâm nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Bắc Trung bộ và cả nước.

• Tầm nhìn

Đến năm 2020, Trường Đại học Vinh trở thành trường đại học trọng điểm hàng đầu của cả nước, có đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng, phù hợp về cơ cấu, có cơ sở vật chất đáp ứng với quy mô đào tạo 35.000 học sinh, sinh viên, học viên; phát triển một số hướng nghiên cứu khoa học mũi nhọn và một số ngành đào tạo theo chương trình tiên tiến; mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế; tăng cường khai thác các nguồn thu để chủ động về tài chính nhằm bảo đảm các hoạt động của Nhà trường.

1. Chính sách chất lượng

Không ngừng cải tiến chất lượng đào tạo trên cơ sở đổi mới chương trình, nội dung giáo dục, phương pháp dạy học và tạo điều kiện tốt nhất cho người học. Đồng thời, nâng cao hiệu quả của hệ thống đảm bảo chất lượng và tham gia kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia.

5. Quá trình xây dựng chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ đại học hệ chính quy

Hưởng ứng Cuộc vận động “Nói không với đào tạo không đạt chuẩn, không đáp ứng nhu cầu xã hội”, chủ trương “Ba công khai” của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường đã triển khai xây dựng các định hướng đổi mới công tác đào tạo:

- Điều chỉnh chương trình đào tạo theo hướng tăng các môn học chuyên ngành đáp ứng nhu cầu xã hội, giảm một số học phần không phù hợp, tích hợp các học phần, mềm hoá chương trình đào tạo;
- Cải tiến việc tổ chức giảng dạy; đổi mới phương pháp dạy - học, phương pháp kiểm tra, đánh giá ở các bậc, hệ, loại hình đào tạo; tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về công tác giảng dạy của giảng viên;
- Tăng cường thực tập nghề và đưa sinh viên đi thực tế; mời nhà tuyển dụng tham gia xây dựng chương trình đào tạo;
- Huy động các nguồn lực, tạo cơ sở vật chất phục vụ tốt điều kiện học tập và nghiên cứu cho người học.

Để công khai chất lượng đào tạo, Trường đã thành lập Ban chỉ đạo và các Tiểu ban xây dựng chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ đại học hệ chính quy, Nhóm nghiên cứu qui trình xây dựng chuẩn đầu ra với nhiệm vụ thu thập tài liệu, đi học tập và nghiên cứu để tư vấn cho Ban chỉ đạo và Ban Giám hiệu về qui trình và kế hoạch xây dựng chuẩn đầu ra. Nhóm nghiên cứu đã tổ chức tập huấn cho các Tiểu ban về qui trình xây dựng chuẩn đầu ra. Các Tiểu ban triển khai xây dựng dự thảo chuẩn đầu ra của ngành, lấy ý kiến góp ý của nhà tuyển dụng, sinh viên và giảng viên, hoàn thiện chuẩn đầu ra và nộp về Ban chỉ đạo Trường. Nhóm nghiên cứu qui trình tổng hợp, chỉnh sửa, trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường xem xét, Hiệu trưởng phê duyệt và công bố chính thức.

6. Cam kết thực hiện của Nhà trường

Trường Đại học Vinh cam kết trước xã hội và người học về chất lượng đào tạo đúng theo chuẩn đầu ra đã công bố.



PGS.TS Đinh Xuân Khoa

THÔNG BÁO
Công khai cam kết chất lượng đào tạo của
cơ sở đào tạo năm học 2011-2012

STT	Nội dung	Các chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ (13 chuyên ngành)	Các chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ (28 chuyên ngành)	Các ngành đào tạo trình độ đại học (42 ngành)
I	Điều kiện tuyển sinh	Thi tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ: Hàng năm, Nhà trường tổ chức thi tuyển sinh Sau đại học vào cuối tháng 2 (đợt 1) và cuối tháng 8 (đợt 2). Trước đó khoảng 2 tháng, Nhà trường có thông báo tuyển sinh rộng rãi trên phương tiện thông tin đại chúng. Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải có các điều kiện sau: 1. Có bằng thạc sĩ phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển. Trường hợp chưa có bằng thạc sĩ thì phải có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy loại khá trở lên, ngành phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển. Nhà trường quy định chi tiết các điều kiện về văn bằng, ngành học, điểm trung bình chung học tập toàn khóa ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ để được dự tuyển vào các chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ của cơ sở mình và nêu rõ trong thông báo tuyển sinh.	Thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ: Hàng năm, Nhà trường tổ chức thi tuyển sinh Sau đại học vào cuối tháng 2 (đợt 1) và cuối tháng 8 (đợt 2). Trước đó khoảng 2 tháng, Nhà trường có thông báo tuyển sinh rộng rãi trên phương tiện thông tin đại chúng. Các môn thi tuyển gồm: môn ngoại ngữ, môn cơ bản, môn cơ sở của ngành hoặc chuyên ngành đào tạo. Thời gian làm bài thi môn cơ bản và môn cơ sở theo hình thức tự luận là 180 phút, môn ngoại ngữ theo hình thức trắc nghiệm là 90 phút. Người dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ phải có các điều kiện sau đây: 1. Về văn bằng (<i>riêng đối với thí sinh thi vào ngành Quản lý giáo dục có quy định cụ thể</i>): a) Đã tốt nghiệp đại học đúng ngành hoặc phù hợp với ngành hoặc chuyên ngành đăng ký dự thi. b) Người có bằng tốt nghiệp đại học	Tuyển sinh đại học hệ chính quy: Hiện nay được Nhà trường thực hiện theo kế hoạch tuyển sinh chung do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Các điều kiện tuyển sinh của các ngành đào tạo đại học theo hệ chính quy của Trường được thực hiện theo quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 03/2010/TT-BGDĐT ngày 11/02/2010 và Thông tư số 11/2011/TT-BGDĐT ngày 28/02/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Điều lệ trường đại học ban hành theo Quyết định số 58/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ và căn cứ vào điều kiện cơ sở vật chất, năng lực đội ngũ của Nhà trường. Đào tạo liên thông từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học hệ chính

	2. Có một bài luận về dự định nghiên cứu, trong đó trình bày rõ ràng đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu, lý do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, mục tiêu và mong muốn đạt được, lý do lựa chọn cơ sở đào tạo; kế hoạch thực hiện trong từng thời kỳ của thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu; dự kiến việc làm sau khi tốt nghiệp; đề xuất người hướng dẫn. 3. Có hai thư giới thiệu của hai nhà khoa học có chức danh khoa học như giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành; hoặc một thư giới thiệu của một nhà khoa học có chức danh khoa học hoặc học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành và một thư giới thiệu của thủ trưởng đơn vị công tác của thí sinh. Những người giới thiệu này cần có ít nhất 6 tháng công tác hoặc cùng hoạt động chuyên môn với thí sinh. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển, cụ thể: a) Phẩm chất đạo đức, đặc biệt đạo đức nghề nghiệp; b) Năng lực hoạt động chuyên môn; c) Phương pháp làm việc;	ngành gần với chuyên ngành dự thi phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi. Thủ trưởng cơ sở đào tạo quyết định nội dung kiến thức học bổ sung cho từng đối tượng dự thi. 2. Về thâm niên công tác chuyên môn: Đối với thí sinh tốt nghiệp Đại học loại Khá trở lên được thi ngay sau khi tốt nghiệp, thí sinh tốt nghiệp Đại học loại Trung bình cần thời gian công tác là một năm trở lên mới được dự thi. Đối tượng và chính sách ưu tiên: Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng một điểm vào kết quả thi (thang điểm 10) cho môn cơ bản; và người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng chế độ ưu tiên của một đối tượng. Đối tượng : a) Người có thời gian công tác hai năm liên tục trở lên (tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn ở các địa phương thuộc miền núi, vùng cao, vùng sâu, hải đảo; các đối tượng được ưu tiên phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc biệt phái công tác của cấp có thẩm quyền. b) Thương binh, bệnh binh người có giấy chứng nhận được hưởng chính sách như thương binh; c) Con liệt sĩ; d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, người có công với cách	quy được thực hiện theo quyết định số 06/2008/QĐ-BGDĐT ngày 13 tháng 02 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
--	---	--	--

	d) Khả năng nghiên cứu; đ) Khả năng làm việc theo nhóm; e) Điểm mạnh và yếu của người dự tuyển; g) Triển vọng phát triển về chuyên môn; h) Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh. 4. Có đủ trình độ ngoại ngữ để tham khảo tài liệu, tham gia hoạt động quốc tế về chuyên môn phục vụ nghiên cứu khoa học và thực hiện đề tài luận án. 5. Đối với những chuyên ngành có yêu cầu về kinh nghiệm làm việc, Nhà trường quy định cụ thể về thời gian làm việc chuyên môn mà thí sinh cần có trước khi dự tuyển và nêu rõ trong thông báo tuyển sinh. 6. Được cơ quan quản lý nhân sự (nếu là người đã có việc làm), hoặc trường nơi sinh viên vừa tốt nghiệp giới thiệu dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ. Đối với người chưa có việc làm cần được địa phương nơi cư trú xác nhận nhân thân tốt và hiện không vi phạm pháp luật. 7. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của cơ sở đào tạo (đóng học phí; hoàn trả kinh phí với nơi đã cấp cho quá trình đào tạo nếu không hoàn thành luận	mạng; đ) Người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; e) Con nạn nhân chất độc màu da cam.	
--	---	---	--

		án tiến sĩ).		
II	Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ người học (như phòng học, trang thiết bị, thư viện ...)	Có đầy đủ phòng học, trang thiết bị,... phục vụ cho học tập, nghiên cứu; Có hệ thống phòng thí nghiệm được trang bị hiện đại; Trường có Thư viện điện tử, các dịch vụ phục vụ thuận lợi cho sinh viên khi tiếp cận; Thư viện đầy đủ số lượng các loại đầu sách, chủng loại tài liệu, truy cập và tra cứu tài liệu qua Internet dễ dàng.	Có đầy đủ phòng học, trang thiết bị,... phục vụ cho học tập, nghiên cứu; Có hệ thống phòng thí nghiệm được trang bị hiện đại; Trường có Thư viện điện tử, các dịch vụ phục vụ thuận lợi cho sinh viên khi tiếp cận; Thư viện đầy đủ số lượng các loại đầu sách, chủng loại tài liệu, truy cập và tra cứu tài liệu qua Internet dễ dàng.	1. Có đủ phòng học, giảng đường đảm bảo chất lượng. 30% phòng học có trang bị máy chiếu projector. 2. Phòng máy tính được kết nối internet, hệ thống wifi phủ sóng trong toàn Trường. 3. Thư viện có đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu.
III	Đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục	- Trường Đại học Vinh là đơn vị hành chính sự nghiệp, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, với đội ngũ cán bộ của Trường Đại học Vinh đạt tỷ lệ đạt chuẩn cao so với các trường đại học trong cả nước. Hiện nay, Trường Đại học Vinh có gần 1.000 cán bộ, công chức. Trong tổng số 640 giảng viên, có 55 giáo sư, phó giáo sư, 4 giảng viên cao cấp, 127 tiến sĩ... Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu là 20%, tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu là 60%, ít nhất có 40% đội ngũ giảng viên có trình độ Thạc sĩ trở lên, biết ứng dụng tin học trong chuyên môn, có từ 10 – 20 % giảng viên có đủ trình độ ngoại ngữ để làm việc trực tiếp với người nước ngoài và phát huy quyền tự chủ trong học thuật. - Trường Đại học Vinh đã liên kết và mời hàng trăm nhà khoa học trong và	- Trường Đại học Vinh là đơn vị hành chính sự nghiệp, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, với đội ngũ cán bộ của Trường Đại học Vinh đạt tỷ lệ đạt chuẩn cao so với các trường đại học trong cả nước. Hiện nay, Trường Đại học Vinh có gần 1.000 cán bộ, công chức. Trong tổng số 640 giảng viên, có 55 giáo sư, phó giáo sư, 4 giảng viên cao cấp, 127 tiến sĩ... Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu là 20%, tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu là 60%, ít nhất có 40% đội ngũ giảng viên có trình độ Thạc sĩ trở lên, biết ứng dụng tin học trong chuyên môn, có từ 10 – 20 % giảng viên có đủ trình độ ngoại ngữ để làm việc trực tiếp với người nước ngoài và phát huy quyền tự chủ trong học thuật. - Trường Đại học Vinh đã liên kết và	- Trường Đại học Vinh là đơn vị hành chính sự nghiệp, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, với đội ngũ cán bộ của Trường Đại học Vinh đạt tỷ lệ đạt chuẩn cao so với các trường đại học trong cả nước. Hiện nay, Trường Đại học Vinh có gần 1.000 cán bộ, công chức. Trong tổng số 640 giảng viên, có 55 giáo sư, phó giáo sư, 4 giảng viên cao cấp, 127 tiến sĩ, 366 thạc sĩ... Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu là 20%, tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu là 60%, ít nhất có 40% đội ngũ giảng viên có trình độ Thạc sĩ trở lên, biết ứng dụng tin học trong chuyên môn, có từ 10 – 20 % giảng viên có đủ trình độ ngoại ngữ để làm việc trực tiếp với người nước ngoài và phát huy quyền tự chủ trong học thuật.

		ngoài nước đang tham gia đào tạo đại học và sau đại học tại Trường Đại học Vinh. - Có hệ thống quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra chặt chẽ.	ngoài nước đang tham gia đào tạo đại học và sau đại học tại Trường Đại học Vinh. - Có hệ thống quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra chặt chẽ.	- Trường Đại học Vinh đã liên kết và mời hàng trăm nhà khoa học trong và ngoài nước đang tham gia đào tạo đại học và sau đại học tại Trường Đại học Vinh. - Có hệ thống quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra chặt chẽ.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của người học ở cơ sở giáo dục	Được Nhà trường cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin về việc học tập, nghiên cứu của học viên; Được sử dụng thư viện, tài liệu học tập, phòng thí nghiệm, trang thiết bị của Nhà trường; Được tham gia các hoạt động đoàn thể, hoạt động khoa học có liên quan. Tạo mọi điều kiện cho học viên học tập, nghiên cứu khoa học, tham gia hội thảo khoa học trong nước và quốc tế. Tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao. Thực hiện các chế độ chính sách kịp thời, thỏa đáng cho học viên. Theo dõi và đề xuất các hình thức khen thưởng và kỷ luật học viên chính xác, kịp thời.	Được Nhà trường cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin về việc học tập, nghiên cứu của học viên; Được sử dụng thư viện, tài liệu học tập, phòng thí nghiệm, trang thiết bị của Nhà trường; Được tham gia các hoạt động đoàn thể, hoạt động khoa học có liên quan. Tạo mọi điều kiện cho học viên học tập, nghiên cứu khoa học, tham gia hội thảo khoa học trong nước và quốc tế. Tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao. Thực hiện các chế độ chính sách kịp thời, thỏa đáng cho học viên. Theo dõi và đề xuất các hình thức khen thưởng và kỷ luật học viên chính xác, kịp thời.	Được Nhà trường cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin về việc học tập, nghiên cứu của học viên; Được sử dụng thư viện, tài liệu học tập, phòng thí nghiệm, trang thiết bị của Nhà trường; Được tham gia các hoạt động đoàn thể, hoạt động khoa học có liên quan. Tạo mọi điều kiện cho học viên học tập, nghiên cứu khoa học, tham gia hội thảo khoa học trong nước và quốc tế. Tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao. Thực hiện các chế độ chính sách kịp thời, thỏa đáng cho học viên. Theo dõi và đề xuất các hình thức khen thưởng và kỷ luật học viên chính xác, kịp thời.
		Nhà trường yêu cầu cao về mục đích của người học: học để làm việc, học để nghiên cứu khoa học, có tư duy phản	Nhà trường yêu cầu cao về mục đích của người học: học để làm việc, học để nghiên cứu khoa học, có tư duy phản biện, có khả năng thực hiện công việc	Người học phải thực hiện đầy đủ các quy định trong Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ

V	Yêu cầu về thái độ học tập của người học	biện, có khả năng thực hiện công việc độc lập và phối kết hợp (làm việc theo nhóm). Học viên có nhiệm vụ: Thực hiện kế hoạch học tập, chương trình học tập và nghiên cứu khoa học trong thời gian quy định của cơ sở đào tạo; Trung thực trong học tập, nghiên cứu khoa học; Đóng học phí theo quy định; Tôn trọng nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên của cơ sở đào tạo, không được dùng bất cứ áp lực nào đối với giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên để có kết quả học tập, nghiên cứu khoa học theo ý muốn chủ quan; Chấp hành nội quy, quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của cơ sở đào tạo;... Quyền của học viên: Được sử dụng thư viện, tài liệu khoa học, phòng thí nghiệm, các trang thiết bị và cơ sở vật chất của cơ sở đào tạo và cơ sở phối hợp đào tạo; được tham gia hoạt động của các đoàn thể, tổ chức xã hội trong cơ sở đào tạo; các quyền khác theo quy định của pháp luật.	độc lập và phối kết hợp (làm việc theo nhóm). Học viên có nhiệm vụ: Thực hiện kế hoạch học tập, chương trình học tập và nghiên cứu khoa học trong thời gian quy định của cơ sở đào tạo; Trung thực trong học tập, nghiên cứu khoa học; Đóng học phí theo quy định; Tôn trọng nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên của cơ sở đào tạo, không được dùng bất cứ áp lực nào đối với giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên để có kết quả học tập, nghiên cứu khoa học theo ý muốn chủ quan; Chấp hành nội quy, quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của cơ sở đào tạo;... Quyền của học viên: Được sử dụng thư viện, tài liệu khoa học, phòng thí nghiệm, các trang thiết bị và cơ sở vật chất của cơ sở đào tạo và cơ sở phối hợp đào tạo; được tham gia hoạt động của các đoàn thể, tổ chức xã hội trong cơ sở đào tạo; các quyền khác theo quy định của pháp luật.	thống tin chỉ ban hành theo Quyết định số 43/QĐ-BGD-ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác đào tạo; Quy chế Học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2007/QĐ-BGDĐT ngày 13/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Các quy định trong Điều lệ trường đại học ban hành kèm theo Quyết định số 58/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ và Quy định số 2989/QĐ-ĐHV ngày 01/11/2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh cụ thể hoá một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.
---	--	--	--	--

VI	Mục tiêu, kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ đạt được	a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ hoặc tiến sĩ tại nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo là tiếng Anh; b) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ hoặc tiến sĩ ở trong nước mà ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo là tiếng Anh không qua phiên dịch. c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành tiếng Anh. d) Có chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT 61 điểm hoặc TOEFL ITP (nội bộ) 500 điểm hoặc IELTS 5.0 trở lên hoặc tương đương. Trình độ ngoại ngữ tương đương được xác định theo chuẩn B1, B2 của Khung Châu Âu Chung (Common European Framework – CEF). 2. Chứng chỉ ngoại ngữ của những trung tâm khảo thí ngoại ngữ trong nước có uy tín, có kết quả đánh giá năng lực người học tương đương với kết quả đánh giá của các trung tâm khảo thí ngoại ngữ quốc tế có thẩm quyền theo các loại bài kiểm tra cấp chứng chỉ nêu tại điểm d khoản 1 Điều này, sau khi được Bộ Giáo dục và Đào tạo đánh giá và công nhận, có giá trị sử dụng trong đào tạo nghiên cứu sinh.	- Đào tạo trình độ thạc sĩ giúp học viên nắm vững lý thuyết, có trình độ cao về thực hành, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc ngành, chuyên ngành được đào tạo. - Để được cấp bằng Thạc sĩ, học viên phải hoàn thành khoảng 19 chuyên đề Cao học, hoàn thành luận văn thạc sĩ và đạt yêu cầu về trình độ ngoại ngữ và bảo vệ thành công luận văn tốt nghiệp. - Đối với trình độ ngoại ngữ, Nhà trường quy định như sau: * Trình độ năng lực ngoại ngữ của học viên đạt được ở mức tương đương cấp độ B1 hoặc bậc 3/6 của Khung Châu Âu Chung. * Đối với học viên đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành ngoại ngữ, trình độ năng lực ngoại ngữ thứ hai của học viên phải đạt yêu cầu	Sinh viên sau khi tốt nghiệp: - Nắm vững kiến thức đại cương, khoa học cơ bản và kiến thức chuyên sâu; có khả năng học tiếp nâng cao trình độ; Nắm vững kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, có PPDH tốt đối với các ngành đào tạo sư phạm. - Có khả năng tự học, tự nghiên cứu, có phương pháp tiếp thu nhanh các công nghệ mới; có kỹ năng giao tiếp xã hội, soạn thảo văn bản; có kỹ năng làm việc nhóm, quản lý nhóm. - Có trình độ tiếng Anh đạt trình độ B, đủ để giao tiếp thông thường và đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành.
		Cán bộ quản lý giáo dục hoặc các ngành thuộc các lĩnh vực của kinh tế - xã	- Cán bộ quản lý giáo dục hoặc các ngành thuộc các lĩnh vực của kinh tế	Tham gia giảng dạy tại các trường THPT, trung cấp chuyên nghiệp, cao

VII	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ theo các ngành đào tạo	hội. Độc lập nghiên cứu các đề tài khoa học. Có khả năng hướng dẫn Cao học và Nghiên cứu sinh. Trở thành các nhà khoa học, nhà chuyên môn trong các lĩnh vực hẹp.	- xã hội. - Tự độc lập nghiên cứu các đề tài khoa học. - Giảng dạy tại các cơ sở đào tạo.	đăng và đại học Trở thành các cán bộ chuyên viên ở các sở, ban, ngành, các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế, các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế trong và ngoài nước, các tổ chức thuộc hệ thống chính trị và các cơ quan pháp luật. Nghiên cứu khoa học chuyên ngành tại các phòng thí nghiệm, phòng kỹ thuật, phòng kiểm tra chất lượng các nhà máy, các viện nghiên cứu, các sở, ban, ngành, các tổ chức hợp tác quốc tế. Có khả năng lập nghiệp, năng động, thích ứng với nghề nghiệp và chuyển đổi nghề nghiệp.
-----	---	--	---	--

Nghệ An, ngày 30 tháng 11 năm 2011

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



PGS. TS Đinh Xuân Khoa

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học,
năm học 2011-2012

STT	Nội dung	Khóa học/ Năm tốt nghiệp	Số sinh viên nhập học	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)						Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường
					Loại xuất sắc		Loại giỏi		Loại khá		
					SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	
I	Tổng số										
II	Đại học, chính quy										
a	Chương trình đại trà		3440	3108	9	0,033	231	0,074	2104	67	75
1	Ngành Sư phạm Toán học	48/2011	76	70	2	2,86	15	21,43	41	58,57	75
2	Ngành Sư phạm Vật Lý	48/2011	35	32	1	3,13	11	34,38	14	43,75	75
3	Ngành Sư phạm Tin học	48/2011	37	33	1	3,03	3	9,09	25	75,76	75
4	Ngành Sư phạm Hoá học	48/2011	56	48	0	0,00	12	25,00	37	77,08	75
5	Ngành Sư phạm Sinh học	48/2011	40	35	0	0,00	7	20,00	26	74,29	75
6	Ngành Sư phạm Ngữ văn	48/2011	92	83	0	0,00	9	10,84	65	78,31	75
7	Ngành Sư phạm Lịch Sử	48/2011	66	63	1	1,59	12	19,05	47	74,60	75
8	Ngành Sư phạm Địa lý	48/2011	69	64	2	3,13	17	26,56	41	64,06	75
9	Ngành Giáo dục chính trị	48/2011	64	59	0	0,00	9	15,25	41	69,49	75
10	Ngành Sư phạm Tiếng Anh	48/2011	56	53	0	0,00	8	15,09	43	81,13	75
11	Ngành Sư phạm Tiếng Pháp	48/2011	12	10	0	0,00	0	0	10	100	75
12	Ngành Giáo dục tiểu học	48/2011	44	42	0	0,00	6	14,29	32	76,19	75
13	Ngành Giáo dục Mầm non	48/2011	47	46	0	0,00	0	0,00	32	69,57	80
14	Ngành GD Quốc phòng-An ninh	48/2011	49	47	0	0,00	4	8,51	43	91,49	80
15	Ngành Giáo dục thể chất	48/2011	42	37	0	0,00	1	2,70	27	72,97	80
16	Ngành Toán học	48/2011	37	37	1	2,70	2	5,41	28	75,68	75
17	Ngành Toán ứng dụng	48/2011	50	38	0	0,00	1	2,63	22	57,89	75
18	Ngành Vật lý	48/2011	45	39	0	0,00	0	0,00	30	76,92	75
19	Ngành Khoa học máy tính	48/2011	92	63	1	1,59	1	1,59	38	60,32	75

20	Ngành Hoá học	48/2011	58	55	0	0,00	3	5,45	44	80,00	75
21	Ngành Sinh học	48/2011	47	43	0	0,00	0	0,00	41	95,35	80
22	Ngành Khoa học môi trường	48/2011	64	61	0	0,00	5	8,20	49	80,33	85
23	Ngành Văn học	48/2011	76	71	0	0,00	2	2,82	62	87,32	75
24	Ngành Lịch sử	48/2011	79	77	0	0,00	8	10,39	68	88,31	75
25	Ngành Du lịch	48/2011	84	78	0	0,00	7	8,97	69	88,46	86
26	Ngành Công tác xã hội	48/2011	111	107	0	0,00	29	27,10	75	70,09	80
27	Ngành Chính trị học	48/2011	101	92	0	0,00	6	6,52	79	85,87	75
28	Ngành Luật	48/2011	198	178	0	0,00	4	2,25	137	76,97	75
29	Ngành Quản trị kinh doanh	48/2011	209	177	0	0,00	2	1,13	103	58,19	90
30	Ngành Kế toán	48/2011	412	345	0	0,00	12	3,48	250	72,46	90
31	Ngành Tài chính ngân hàng	48/2011	274	246	0	0,00	10	4,07	165	67,07	90
32	Ngành Ngôn ngữ Anh	48/2011	68	60	0	0,00	2	3,33	56	93,33	75
33	Ngành Công nghệ thông tin	47/2011	59	52	0	0,00	2	3,85	19	36,54	75
34	Ngành Kỹ thuật Xây dựng	47/2011	200	193	0	0,00	0	0,00	22	11,40	100
35	Ngành Điện tử truyền thông	47/2011	87	86	0	0,00	4	4,65	21	24,42	80
36	Ngành Nông học	47/2011	51	50	0	0,00	4	8,00	41	82,00	75
37	Ngành Khuyến nông	47/2011	58	57	0	0,00	4	7,02	48	84,21	75
38	Ngành Nuôi trồng Thủy sản	47/2011	90	82	0	0,00	5	6,10	56	68,29	100
39	Ngành Công nghệ thực phẩm	47/2011	105	99	0	0,00	4	4,04	57	57,58	90
b	Chương trình tiên tiến										
...	Ngành...										
c	Chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh										
...	Chuyên ngành...										
d	Chương trình										
...	Ngành...										
2	Cử tuyển										
II	Cao đẳng, chính quy										
a	Chương trình đại trà										
..	Ngành...										
b	Chương trình tiên tiến										
...	Ngành...										
...	Chuyên ngành...										

III	Sau đại học										
I	Thạc sĩ	2011	1.195	972	43	797	132		91	0,35	100
1.1	Ngành Toán học		183	216	8	188	20		95	0.7	100
1.2	Ngành Vật lý		87	88	4	72	12		96	0.4	100
1.3	Ngành Hóa học		104	53	0	50	3		96	0.3	100
1.4	Ngành Sinh học		43	57	0	34	23		89	0.5	100
1.5	Ngành Văn – Tiếng Việt		137	147	4	110	33		77	0.2	100
1.6	Ngành Lịch sử		75	120	8	88	24		79	0.6	100
1.7	Ngành Nông học		47	23	1	21	1		98	0.4	100
1.8	Ngành Giáo dục Chính trị		78	23	1	22	0		87	0.4	100
1.9	Ngành Giáo dục Tiểu học		75	35	0	28	7		94	0	100
1.10	CN Quản lý giáo dục		296	210	17	184	9		99	0.05	100
1.11	Ngành Tiếng Anh		68	0	0	0	0		0	0	100
2	Tiến sĩ	2011	27	10							100
2.1	Ngành Toán		7	3							100
2.2	Ngành Hoá										100
2.3	Ngành Sinh học		1								100
2.4	Ngành Ngữ Văn		2	1							100
2.5	Ngành Vật Lý		10	4							100
2.6	Ngành Sử		4	1							100
2.7	Ngành QLGD		3	1							100

Nghệ An, ngày 30 tháng 11 năm 2011

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



PGS. TS Đinh Xuân Khoa

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học,
cao đẳng năm học 2011-2012

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Diện tích đất đai	<i>ha</i>	37.3
II	Diện tích sàn xây dựng		
1	Giảng đường		
	Số phòng	<i>phòng</i>	285
	Tổng diện tích	m^2	37.988
2	Phòng học máy tính		
	Số phòng	<i>phòng</i>	12
	Tổng diện tích	m^2	941
3	Phòng học ngoại ngữ		
	Số phòng	<i>phòng</i>	5
	Tổng diện tích	m^2	394
4	Thư viện	m^2	7.374
5	Phòng thí nghiệm		
	Số phòng	<i>phòng</i>	85
	Tổng diện tích	m^2	8.974
6	Xưởng thực tập, thực hành		
	Số phòng	<i>phòng</i>	7
	Tổng diện tích	m^2	3.798
7	Ký túc xá thuộc cơ sở đào tạo quản lý		
	Số phòng	<i>phòng</i>	415
	Tổng diện tích	m^2	26.532
8	Diện tích nhà ăn của cơ sở đào tạo	m^2	759
9	Diện tích khác:		
	Diện tích hội trường	m^2	715
	Diện tích nhà văn hóa	m^2	880
	Diện tích nhà thi đấu đa năng	m^2	2.143
	Diện tích bể bơi	m^2	0
	Diện tích sân vận động	m^2	10.150

Nghệ An, ngày 30 tháng 11 năm 2011

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ 



PGS. TS Đinh Xuân Khoa

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục đại học, năm học 2011 - 2012

Số TT	Đơn vị	Tổng số	Trong đó chia ra					
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sỹ, TSKH	Thạc sỹ	Cử nhân	Còn lại
	I	2	3	4	5	6	7	8
	Toàn đơn vị:	948	2	53	72	385	366	70
	Khoa Văn	30	0	5	8	15	2	0
1	Khoa Văn-Bộ môn Ngôn ngữ	7	0	1	4	2	0	0
2	Khoa Văn - Bộ môn Văn học Việt Nam I	7	0	1	1	5	0	0
3	Khoa Văn - Bộ môn Văn học Việt Nam II	5	0	1	1	3	0	0
4	Khoa Văn - Bộ môn Văn học nước ngoài	4	0	1	0	3	0	0
5	Khoa Văn - Bộ môn Phương pháp giảng dạy và lý luận văn học	5	0	1	2	2	0	0
6	Khoa Văn - Bộ phận Hành chính	2	0	0	0	0	2	0
	Khoa Toán	36	0	6	9	18	3	0
1	Khoa Toán - Bộ môn Giải tích	8	0	2	4	2	0	0
2	Khoa Toán - Bộ môn Đại số	7	0	2	2	3	0	0
3	Khoa Toán - Bộ môn Điều khiển	8	0	1	1	6	0	0
4	Khoa Toán - Bộ môn Hình học	5	0	1	1	2	1	0
5	Khoa Toán - Bộ môn Phương pháp giảng dạy toán	6	0	0	1	5	0	0
6	Khoa Toán - Bộ phận Hành chính	2	0	0	0	0	2	0
	Khoa Lý	20	0	3	7	8	2	0
1	Khoa Lý - Bộ môn Vật lý Đại cương	4	0	0	2	2	0	0
2	Khoa Lý - Bộ môn Vật lý Lý thuyết	3	0	0	1	2	0	0
3	Khoa Lý - Bộ môn Vật lý kỹ thuật	4	0	0	1	2	1	0
4	Khoa Lý - Bộ môn Phương pháp giảng dạy	4	0	3	1	0	0	0
5	Khoa Lý - Bộ phận Hành chính	2	0	0	0	1	1	0
6	Khoa Lý - Bộ môn Quang học - Quang phổ	3	0	0	2	1	0	0
	Khoa Hoá	35	0	5	5	21	4	0
1	Khoa Hoá - Bộ môn Vô cơ	6	0	1	2	2	1	0

2	Khoa Hoá - Bộ môn Hữu cơ	4	0	1	1	2	0	0
3	Khoa Hoá - Bộ môn Phân tích	6	0	1	0	4	1	0
4	Khoa Hoá - Bộ môn Hoá lý	6	0	0	1	5	0	0
5	Khoa Hoá - Bộ môn Phương pháp giảng dạy	5	0	2	0	3	0	0
6	Khoa Hoá - Bộ môn Hoá Thực phẩm	8	0	0	1	5	2	0
	Khoa Sinh	31	1	3	7	16	4	1
1	Khoa Sinh - Bộ môn Thực vật	7	1	1	3	2	1	0
2	Khoa Sinh - Bộ môn Sinh hoá	6	0	1	0	5	0	0
3	Khoa Sinh - Bộ môn Di truyền-Phương pháp-Vi sinh	7	0	0	1	5	1	0
4	Khoa Sinh - Bộ môn Động vật	7	0	1	3	2	1	0
5	Khoa Sinh - Bộ môn Môi trường	4	0	0	0	2	1	1
	Khoa Sử	44	0	4	5	22	13	0
1	Khoa Sử - Bộ môn Lịch sử thế giới	12	0	1	2	7	2	0
2	Khoa Sử - Bộ môn Lịch sử Việt Nam	9	0	2	2	5	0	0
3	Khoa Sử - Bộ môn Phương pháp giảng dạy và các môn cơ sở	7	0	1	0	5	1	0
4	Khoa Sử - Bộ môn Công tác xã hội	9	0	0	0	4	5	0
5	Khoa Sử - Bộ môn Du lịch	7	0	0	1	1	5	0
	Khoa Giáo dục Chính trị	28	0	0	5	18	5	0
1	Khoa Giáo dục Chính trị - Bộ môn Chủ nghĩa xã hội khoa học	7	0	0	1	4	2	0
2	Khoa Giáo dục Chính trị - Bộ môn Triết học Mác-Lê Nin	7	0	0	3	3	1	0
3	Khoa Giáo dục Chính trị - Bộ môn Lịch sử Đảng	4	0	0	0	3	1	0
4	Khoa Giáo dục Chính trị - Bộ môn Kinh tế	4	0	0	1	3	0	0
5	Khoa Giáo dục Chính trị - Bộ môn PP-Luật & T tưởng HCM	6	0	0	0	5	1	0
	Khoa Luật	34	0	1	2	3	28	0
1	Khoa Luật - Bộ môn Luật dân sự	10	0	1	0	0	9	0
2	Khoa Luật - Bộ môn Luật Hình sự	8	0	0	0	1	7	0
3	Khoa Luật - Bộ môn Luật Hành chính Nhà nước	9	0	0	1	1	7	0
4	Khoa Luật - Luật kinh tế Quốc tế	7	0	0	1	1	5	0
	Khoa Ngoại Ngữ	47	0	0	1	29	17	0
1	Khoa Ngoại Ngữ - Bộ môn Kỹ năng tiếng Anh	7	0	0	0	5	2	0
2	Khoa Ngoại Ngữ - Bộ môn Lý thuyết tiếng Anh	4	0	0	0	4	0	0
3	Khoa Ngoại Ngữ - Bộ môn Đất nước học, dịch VH Anh	4	0	0	0	3	1	0
4	Khoa Ngoại Ngữ - Bộ môn PPGD tiếng Anh	3	0	0	0	3	0	0
5	Khoa Ngoại Ngữ - Bộ môn Tiếng Anh chuyên ngành	5	0	0	1	3	1	0
6	Khoa Ngoại Ngữ - Bộ môn Kỹ năng Ngôn ngữ tiếng Pháp	6	0	0	0	4	2	0
7	Khoa Ngoại ngữ - Bộ môn Văn học, dịch, ĐNH, PPGD tiếng	4	0	0	0	4	0	0

	Pháp							
8	Khoa Ngoại ngữ - Bộ môn tiếng Nga - Trung	10	0	0	0	2	8	0
9	Khoa Ngoại ngữ - Bộ môn tiếng Việt	1	0	0	0	1	0	0
	Khoa Giáo dục	37	0	4	3	22	8	0
1	Khoa Giáo dục - Bộ môn Tâm lý học	4	0	0	1	3	0	0
2	Khoa Giáo dục - Bộ môn Giáo dục học	4	0	1	0	3	0	0
3	Khoa Giáo dục - Bộ môn Cơ bản và Phương pháp	7	0	1	2	4	0	0
4	Khoa Giáo dục - Bộ môn Giáo dục mầm non	7	0	1	0	4	2	0
5	Khoa Giáo dục - Bộ phận Hành chính	2	0	0	0	0	2	0
6	Khoa Giáo dục - Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật	5	0	0	0	1	4	0
7	Khoa Giáo dục - Bộ môn PPHDTH giáo dục mầm non	4	0	0	0	4	0	0
8	Khoa Giáo dục - Bộ môn Quản lý giáo dục	4	0	1	0	3	0	0
	Trường Mầm non Thực hành	27	0	0	1	1	23	2
1	Trường Mầm non thực hành - Tổ Hành chính	7	0	0	1	0	4	2
2	Trường Mầm non thực hành - Tổ Nhà trẻ	10	0	0	0	1	9	0
3	Trường Mầm non thực hành - Tổ Mẫu giáo bé	6	0	0	0	0	6	0
4	Trường Mầm non thực hành - Tổ Mẫu giáo nhỡ và Mẫu giáo lớn	4	0	0	0	0	4	0
	Khoa Giáo dục Thể chất	21	0	1	1	12	7	0
1	Khoa Giáo dục Thể chất - Bộ môn Thể dục	5	0	0	0	2	3	0
2	Khoa Giáo dục Thể chất - Bộ môn Điền kinh	4	0	0	0	4	0	0
3	Khoa Giáo dục Thể chất - Bộ môn Các môn bóng và TT dưới nước	2	0	0	0	2	0	0
4	Khoa Giáo dục Thể chất - Bộ môn Lý luận và PP giảng dạy	5	0	1	1	2	1	0
5	Khoa Giáo dục Thể chất - Bộ phận Hành chính	1	0	0	0	0	1	0
6	Khoa Giáo dục thể chất - Bộ môn Võ thuật và thể thao dưới nước	4	0	0	0	2	2	0
	Khoa Sau Đại học	7	0	2	2	2	1	0
	Khoa Công nghệ Thông tin	34	0	0	3	22	8	1
1	Khoa CNTT - Bộ môn Khoa học máy tính	8	0	0	2	5	1	0
2	Khoa CNTT - Bộ môn Kỹ thuật máy tính	5	0	0	1	3	1	0
3	Khoa CNTT - Bộ môn Phương pháp giảng dạy	3	0	0	0	3	0	0
4	Khoa CNTT - Bộ môn Các hệ thống Thông tin	9	0	0	0	7	2	0
5	Khoa CNTT - Tổ Hành chính	2	0	0	0	0	1	1
6	Khoa CNTT - Bộ môn Truyền thông và MMT	7	0	0	0	4	3	0
	Khoa Nông lâm Ngư	46	0	1	2	18	20	5
1	Khoa Nông Lâm Ngư - Bộ môn Bảo vệ thực vật	6	0	0	0	2	4	0
2	Khoa Nông Lâm Ngư - Bộ môn Thủy sản nước ngọt	7	0	1	0	2	4	0

3	Khoa Nông Lâm Ngư - Bộ môn KN và PT Nông thôn	10	0	0	1	5	4	0
4	Khoa Nông Lâm Ngư - Bộ môn Khoa học Cây Trồng	8	0	0	0	5	3	0
5	Khoa Nông Lâm Ngư - Tổ Hành chính-Quản trị	9	0	0	0	1	4	4
6	Khoa Nông Lâm Ngư - Bộ môn Thủy sản nước lợ mặn	5	0	0	1	3	1	0
	Khoa Xây dựng	22	0	1	0	12	9	0
1	Khoa Xây dựng - Bộ môn Cơ sở Xây dựng	9	0	1	0	4	4	0
2	Khoa Xây dựng - Bộ môn Cơ Kết cấu	4	0	0	0	3	1	0
3	Khoa Xây dựng - Bộ môn Kết cấu công trình	4	0	0	0	3	1	0
4	Khoa Xây dựng - Bộ môn Thi công xây dựng	5	0	0	0	2	3	0
	Khoa Điện tử Viễn thông	20	0	1	2	11	4	2
1	Khoa Điện tử Viễn thông - Bộ môn Điện tử cơ sở	7	0	0	1	4	2	0
2	Khoa Điện tử Viễn thông - Bộ môn Viễn thông cơ sở	6	0	0	1	4	1	0
3	Khoa Điện tử Viễn thông - Bộ môn Điều khiển tự động	6	0	1	0	3	1	1
	Khoa Kinh Tế	51	0	2	0	15	34	0
1	Khoa Kinh tế - Bộ môn Kinh tế	11	0	0	0	5	6	0
2	Khoa Kinh tế - Bộ môn Quản trị Kinh doanh	8	0	1	0	3	4	0
3	Khoa Kinh tế - Bộ môn Kế toán	17	0	0	0	3	14	0
4	Khoa Kinh tế - Bộ môn Tài chính Ngân hàng	12	0	1	0	3	8	0
5	Khoa Kinh tế - Tổ Hành chính	2	0	0	0	0	2	0
6	Khoa Kinh tế - Bộ môn Kinh tế đầu tư	1	0	0	0	1	0	0
	Khoa Giáo dục Quốc phòng	12	0	0	0	2	10	0
1	Khoa Giáo dục Quốc phòng-Bộ môn Kỹ thuật - Chiến thuật	5	0	0	0	1	4	
2	Khoa Giáo dục Quốc phòng-Bộ môn Chính trị Quân sự	7	0	0	0	1	6	
	Trường Trung học Phổ thông Chuyên	60	0	0	2	38	19	1
1	Trường THPTC - Tổ Toán-Tin	17	0	0	1	12	4	0
2	Trường THPTC - Tổ Vật lý - Thể dục	11	0	0	1	7	3	0
3	Trường THPTC - Tổ Văn - Sử-GDCT	12	0	0	0	8	4	0
4	Trường THPTC - Tổ Hoá-Sinh-Địa	13	0	0	0	9	4	0
5	Trường THPTC - Tổ Ngoại ngữ, Hành chính	7	0	0	0	2	4	1
	Khoa Địa	19	0	1	1	14	3	0
1	Khoa Địa - Bộ môn Địa lý tự nhiên	5	0	1	0	3	1	0
2	Khoa Địa - Bộ môn Địa lý Kinh tế xã hội	5	0	0	0	5	0	0
3	Khoa Địa - Bộ môn PPGD và Bản đồ	4	0	0	1	2	1	0
4	Khoa Địa - Bộ môn Quản lý Tài nguyên	5	0	0	0	4	1	0
	Khối phòng ban							
1	Phòng Tổ chức cán bộ	5	0	1	0	3	1	0

2	Phòng Đào tạo	10	0	1	1	6	2	0
3	Phòng Hành chính Tổng hợp	7	0	0	0	3	4	0
4	Phòng Kế hoạch-Tài chính	13	0	0	0	3	9	1
5	Phòng Quản lý Khoa học và Thiết bị	10	0	2	1	2	5	0
6	Phòng Công tác Chính trị và QL-HS-SV	8	0	1	0	6	2	0
7	Phòng Quản trị	30	0	0	0	1	10	19
8	Phòng Thanh tra Giáo dục	4	0	0	0	2	2	0
9	Phòng Hợp tác Quốc tế	8	0	1	1	2	4	0
10	Nhà Xuất bản Đại học Vinh	2	0	2	0	0	0	0
11	Trung tâm Phục vụ sinh viên	17	0	0	0	3	10	4
12	Trung tâm Ngoại ngữ-Tin học	5	0	1	0	0	4	0
13	Trung tâm Đảm bảo chất lượng	15	0	0	1	9	5	0
14	Viện nghiên cứu Văn hoá và ngôn ngữ	2	1	0	1	0	0	0
15	Trung tâm Giáo dục Thường xuyên	8	0	2	0	3	3	0
16	Trung tâm Thông tin Thư viện Nguyễn Thúc Hào	41	0	0	0	4	27	10
17	Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm	56	0	1	0	14	35	6
18	Trung tâm Giáo dục từ xa và Quan hệ doanh nghiệp	4	0	0	1	2	1	0
19	Phòng Bảo vệ	16	0	0	0	0	6	10
20	Ban Quản lý các dự án xây dựng	8	0	0	1	0	7	0
21	Trung tâm Thể dục Thể thao	3	0	0	0	2	1	0
22	Văn phòng Đảng uỷ	1	0	0	0	1	0	0
23	Đoàn trường	2	0	0	0	0	2	0
24	Trạm Y tế	10	0	0	0	0	2	8

Nghệ An, ngày 30 tháng 11 năm 2011

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



PGS. TS Đinh Xuân Khoa

THÔNG BÁO

**Công khai tài chính của cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng
Năm học 2011-2012**

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng
I	Học phí hệ chính quy chương trình đại trà năm học 2011-2012	Triệu đồng/năm	
1	Tiến sỹ	Triệu đồng/năm	8,90
2	Thạc sỹ	Triệu đồng/năm	5,30
3	Đại học	Triệu đồng/tín chỉ	0,11
4	Cao đẳng	Triệu đồng/năm	
II	Học phí hệ chính quy chương trình khác năm học 2011-2012	Triệu đồng/năm	
1	Tiến sỹ		
2	Thạc sỹ		
3	Đại học		
4	Cao đẳng		
5	Trường THPT Chuyên	Triệu đồng/năm	0,20
6	Trường Mầm non Thực hành (hệ chất lượng cao)	Triệu đồng/năm	0,60
...	...		
III	Học phí hệ vừa làm vừa học tại trường năm học 2010-2011	Triệu đồng/năm	
1	Tiến sỹ	Triệu đồng/năm	8,90
2	Thạc sỹ	Triệu đồng/năm	5,30
3	Đại học	Triệu đồng/năm	4,30
4	Cao đẳng	Triệu đồng/năm	
IV	Tổng thu năm 2010	Tỷ đồng	163,5
1	Từ Ngân sách	Tỷ đồng	60
2	Từ học phí, lệ phí	Tỷ đồng	87
3	Từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	Tỷ đồng	1,5
4	Từ nguồn khác.	Tỷ đồng	15

Nghệ An, ngày 30 tháng 11 năm 2011

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



PGS. TS Đinh Xuân Khoa

BIỂU TỔNG HỢP
Một số thông tin công khai của cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng
năm học 2011-2012

STT	Thông tin	Đơn vị	Số lượng
1	Số ngành trường đang đào tạo	<i>Ngành</i>	42
2	Số ngành đã công bố chuẩn đầu ra	<i>Ngành</i>	42
3	Diện tích đất của trường	<i>Ha</i>	37.3
4	Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo:	<i>m2</i>	59.469
4.1	<i>Diện tích phòng học các loại</i>	-	39.323
4.2	<i>Diện tích thư viện</i>	-	7.374
4.3	<i>Diện tích phòng thí nghiệm</i>	-	8.974
4.4	<i>Diện tích nhà xưởng thực hành</i>	-	3.798
5	Diện tích sàn xây dựng ký túc xá của trường	<i>m2</i>	26.532
6	Tổng số giảng viên có hữu, hợp đồng dài hạn	<i>Người</i>	933
6.1	<i>Giáo sư</i>	"	03
6.2	<i>Phó giáo sư</i>	"	52
6.3	<i>Tiến sỹ KH, Tiến sỹ</i>	"	127
6.4	<i>Thạc sỹ</i>	"	385
6.5	<i>Cử nhân</i>	"	366

Nghệ An, ngày 30 tháng 11 năm 2011

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



PGS. TS Đinh Xuân Khoa